

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 12-01-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Huỳnh Thị Tô**

+ Ông **Phạm Thành Công**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Đỗ Thị S**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện ủy quyền: **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm xxxx (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

* Bị đơn: **Nguyễn Thanh P**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt);

Nguyễn Thị Kim T, sinh năm xxxx (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:** Trước đây bà S có bán thức ăn chăn nuôi và con giống về chăn nuôi cho anh P, chị T đến ngày 14/02/2018 thì anh P, chị T nợ bà S số tiền 103.700.000 đồng. Hai bên không có làm hợp đồng mua bán, chỉ thỏa thuận

miệng với hình thức gói đầu là bà S bán thức ăn và con giống cho anh P, chị T đến khi xuất chuồng bán gà thì anh P, chị T thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi và con giống cho bà S. Ngày 14/02/2018 anh P, chị T trả số tiền 10.000.000 đồng và trả dần đến ngày 25/4/2021 với số tiền 33.381.000 đồng, còn nợ lại bà S số tiền 60.319.000 đồng. Ngày 25/4/2021 giữa bà S với anh P, chị T có đối chiếu lại số tiền anh P, chị T còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của bà S với số tiền 60.319.000 đồng. Hai bên có làm “GIẤY XÁC NHẬN CÔNG NỢ” ngày 25/4/2021, anh P và chị T có ký tên vào giấy xác nhận công nợ. Nhiều lần bà S yêu cầu anh P, chị T trả tiền cho bà S nhưng anh P, chị T chỉ hứa trả chứ không trả số tiền nào cho bà S.

Nay bà S yêu cầu anh P, chị T liên đới trả số tiền là 60.319.000 đồng, bà S yêu cầu tính lãi kể từ ngày 14/02/2018 đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất 0,83% (tiền lãi tạm tính là 27.535.623 đồng), trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là vợ chồng chị có mua thức ăn chăn nuôi gà và con giống của bà S. Vợ chồng chị có nợ bà S số tiền 60.319.000 đồng. GIẤY XÁC NHẬN CÔNG NỢ” ngày 25/4/2021 do bà S cung cấp là do chị ký tên và anh P ký tên.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà S yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền vốn là 60.319.000 đồng thì chị đồng ý trả. Nhưng do kinh tế khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày: Anh không có khả năng trả nợ hết một lần, anh xin trả số tiền vốn lần lần và xin không trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà S có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh P, chị T liên đới trả cho bà S số tiền 60.319.000 đồng, bà S yêu cầu tính lãi kể từ ngày 25/4/2021 đến khi Tòa án xét xử là 20 tháng 18 ngày, với mức lãi suất 0,83%, số tiền lãi là 10.313.328 đồng. Trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị T đồng ý trả số tiền vốn là 60.319.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

Bị đơn anh P xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh P, chị T trả số tiền số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi và con giống còn nợ là 60.319.000 đồng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P và chị Nguyễn Kim T trú tại ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu N trình bày và nộp đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S. Yêu cầu yêu cầu anh P, chị T liên đới trả cho bà S số tiền số tiền 60.319.000 đồng, bà S yêu cầu tính lãi kể từ ngày 25/4/2021 đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất 0,83%, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật theo quy định tại khoản 1 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Bà S yêu cầu anh P, chị T liên đới trả số tiền là 60.319.000 đồng. Thực tế hợp đồng mua bán miệng thức ăn chăn nuôi và con giống giữa bà S với anh P, chị T đã được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà S đã hoàn thành việc giao tài sản và thức ăn chăn nuôi cho anh P, chị T nhưng khi xuất chuồng thì anh P, chị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho bà S. Anh P và chị T thừa nhận nợ bà S số tiền 60.319.000 đồng. Như vậy, anh P, chị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng mua bán tài sản nên bà S yêu cầu anh P, chị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở. Theo quy định khoản 1 Điều 351, đoạn 1 Điều 430, Điều 431, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà S về yêu cầu anh P, chị T trả số tiền 60.319.000 đồng.

[5] Về tiền lãi: nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 60.319.000 đồng từ ngày 25/4/2021 đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định là 0,83%/tháng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì anh P, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên anh P, chị T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà S là phù hợp với khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 0,83%/tháng nên số tiền 60.319.000 đồng x 0,83%/ tháng x 20 tháng 18 ngày = 10.313.328 đồng.

Như vậy, anh P và chị T phải trả số tiền số tiền vốn và lãi tổng cộng là 70.632.328 đồng.

[6] Về thời gian trả: nguyên đơn yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật, còn anh P, chị T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở vì số tiền này anh P, chị T để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S nên cần buộc anh P, chị T trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 224, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 288, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S.

Buộc anh Nguyễn Thanh P và Chị Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị S số tiền **70.632.328 đồng** (Bảy mươi triệu S trăm ba mươi hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P, chị T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh P, chị T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Anh P, chị T phải chịu **3.531.616 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với anh P vắng mặt được tính từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên